



TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX – CTCP

PETROLIMEX PETROCHEMICAL CORPORATION JSC (PLC)

Tầng 18&19 – Số 229 Tây sơn – Đống Đa – Hà Nội

Tel : (024) 38513205 Fax : (024) 38513207

PHÒNG SẢN PHẨM VÀ CÔNG NGHỆ

PHÒNG THỬ NGHIỆM VILAS 022

Nha Be Town – HCM City

Tel.: (028) 38738507 Fax.: (84-028) 38738507

PETROLIMEX

Phòng thử nghiệm được Văn phòng công nhận thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận phù hợp theo TCVN ISO/IEC 17025:2017 với số hiệu VILAS 022 ngày 02/11/2022
The laboratory has been assessed and found to conform with the requirements of TCVN ISO/IEC 17025:2017 with accreditation number VILAS 022

BM-24-05-1-PT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULTS

Ngày báo cáo Date of report	: 26/04/2024	Mã số mẫu Sample code	: 24 – 1833DN
Tên sản phẩm Product name	: PLC CATER CI-4	Nguồn gốc mẫu Sample source	: CTCP Xe khách Phương Trang
Số lô Batch no.	: 36 -24 - 0057	Vị trí lấy mẫu Position of Sampling	: Cacte nhớt xe 51B-501.57
Đặc điểm Characteristics	: Dầu đang sử dụng (18.362 Km) ODO: 863.184 Km	Ngày nhận mẫu Received date	: 24/04/2024
Số niêm Serial Number	: --	Tên khách hàng Customer's name	: PHÒNG KD CN- TCT PLC

Chỉ tiêu Items	Phương pháp Methods	Đơn vị Units	Kết quả Results
Nhìn bề ngoài Appearance	Quan sát	-	Đen
Độ nhớt động học tại 40°C Kinematic viscosity @40°C	ASTM D 445-21e1	cSt	101.4
Độ nhớt động học tại 100°C Kinematic viscosity @100°C	ASTM D 445-21e1	cSt	14.62
Chỉ số độ nhớt Viscosity index	ASTM D 2270-10(16)	-	149
Nhiệt độ bắt cháy cốc hở Flash point by COC	ASTM D 92-18	°C	224
Hàm lượng nước Water content	ASTM D 95-13(18)	% vol	0
Trị số kiềm tổng Total base number	ASTM D 2896-21	mg KOH/g	9.7
Cặn không tan trong Pentan Insolubles in Pentane	ASTM D 893-18	% wt	0.04
Hàm lượng Al Aluminium Content	ASTM D 5185-18	mg/kg	< 5
Hàm lượng Cu Copper Content	ASTM D 5185-18	mg/kg	< 2
Hàm lượng Fe Iron Content	ASTM D 5185-18	mg/kg	6.3
Hàm lượng Si Silicon Content	ASTM D 5185-18	mg/kg	< 5
Hàm lượng Cr Chromium Content	ASTM D 5185-18	mg/kg	< 2
Hàm lượng Pb Lead Content	ASTM D 5185-18	mg/kg	< 5
Hàm lượng Sn Tin Content	ASTM D 5185-18	mg/kg	< 2

Ghi chú: - Kết quả trên chỉ có giá trị cho mẫu thử./Results are only valid for the sample.

- Mẫu và thông tin mẫu thử do khách hàng cung cấp./Sample and Information of the sample is provided by customers.

- BM được ban hành theo QD-24-1-PT (01/12/2018)



TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Chief of the laboratory

[Signature]

TRƯỞNG PHÒNG VILAS 022
Bạm Minh Thúy